

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 10/2021/HSST
Ngày 25/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Long
2. Ông Trần Xuân Viện

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ma Thị Huyền Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2021/HSST ngày 07/01/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HS ngày 11/01/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn B**, sinh ngày 16/11/1969

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 4, phường C.G, thành phố TN, tỉnh TN. Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không, nghề nghiệp: không, trình độ học vấn: 05/10. Con ông Vũ Văn T, sinh năm 1933 (đã chết), con bà: Dương Thị S, sinh năm 1936. Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ năm. Có vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1979, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 29/10/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN, tỉnh TN khởi tố (trong vụ án khác) về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/9/2020 đến nay

(Có mặt tại phiên tòa)

* Bị hại: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953. ĐKKHKT tổ 06, phường C.G, thành phố TN (Có mặt)

* Người làm chứng: Ông Ngô Quốc T1, sinh năm 1962

Địa chỉ: tổ 4, phường C.G, thành phố TN. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 27/8/2020, Vũ Văn B đi từ nhà ở tổ 04, phường C.G, thành phố TN ra chợ để mua thức ăn. Khi đi được khoảng 100

m thì B nhìn thấy bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953, HKTT tổ 06, phường C.G, thành phố TN một mình đang đẩy xe rùa đi ngược chiều. Thấy bà Đ hỏi xin củi của người dân nên B chủ động lại gần nói với bà Đ là ở nhà của B có nhiều củi, bà Đ lấy thì B cho, bà Đ đồng ý và đi theo B. Khi đến sân nhà, B chỉ bà Đ lấy đồng củi ở sân để xếp lên xe rùa. Lúc này, B nảy sinh ham muốn quan hệ tình dục với bà Đ. Do nhà B ở sát mặt đường nên B nói với bà Đ là phía sau bếp nhà B còn nhiều củi B sẽ dẫn bà Đ vào lấy, mục đích để bà Đ đi vào trong nhà B sẽ thực hiện hành vi giao cấu với bà Đ. Bà Đ tin tưởng đi theo. Khi đi đến cửa phòng ngủ thì bà Đ dừng lại, không đi tiếp nữa do trong nhà B tối không có điện. Lúc này, B bất ngờ dùng hai tay cầm vào tay trái của bà Đ kéo mạnh bà Đ vào bên trong phòng ngủ. B nói với bà Đ cho B quan hệ tình dục nhưng bà Đ không đồng ý. B tiếp tục dùng tay kéo mạnh tay trái của bà Đ làm bà Đ ngã nghiêng trái xuống giường. B vẫn dùng tay trái giữ chặt tay trái bà Đ và nằm nghiêng trái cùng hướng sát phía lưng bà Đ. Bà Đ giãy giụa chân tay và kêu lên nhưng B vẫn ghì chặt xuống giường nên bà Đ không thoát ra được. B luồn tay phải qua bên phải người bà Đ về phía trước ngực để bóp vú bà Đ thì bị bà Đ dùng tay phải gạt ra. B tiếp tục dùng tay phải kéo quần của bà Đ xuống 1/3 đùi thì bị bà Đ dùng tay phải kéo lên luôn và tiếp tục giãy giụa nhưng B vẫn giữ chặt. B tiếp tục tụt được quần bà Đ xuống đến ngang đùi rồi tự dùng tay phải tụt quần của mình xuống để lộ dương vật đang cương cứng đút vào âm đạo của bà Đ thì bà Đ bị đau, kêu “Ồi ời” và tiếp tục giãy tay chân để phản kháng nhưng B tiếp tục thực hiện giao cấu đồng thời dùng tay phải bịt miệng, bóp cổ để bà Đ không kêu được. Lúc này, B nghe thấy ông Lê Quốc T1, sinh năm 1962, HKTT tổ 4, phường C.G, thành phố TN, tỉnh TN, ở đối diện nhà B quát “Thằng B mày làm cái gì đấy”. Biết bị phát hiện, B đã dừng lại, thả bà Đ ra, mặc vội quần chạy xuống bếp. Còn Bà Đ kéo quần lên đi ra khỏi phòng ngủ của B, vừa đi vừa khóc vì sợ hãi. Ông T1 đưa Đ sang nhà hàng xóm gần đó. Sau đó, bà Đ trình báo sự việc đến Công an phường C.G, thành phố TN.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của Công an phường C.G, thành phố TN đối với bà Nguyễn Thị Đ ngày 27/8/2020 có các dấu vết: Vết đỏ tại cầm, quai hàm bên trái, kích thước 2x5cm; Vết bầm đỏ tại nếp gấp khuỷu tay trái, kích thước 3x5cm; Vết tím, sưng tại mu bàn tay trái, kích thước 1,5x3cm.

Ngày 27/8/2020, bà Nguyễn Thị Đ có đơn gửi đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố TN đề nghị khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Vũ Văn B về hành vi hiếp dâm.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 70/TD ngày 28/8/2020 của Trung tâm pháp y Sở Y tế TN đối với bà Nguyễn Thị Đ kết luận: Màng trinh có vết rách mới tại vị trí 1h, 10h, mu bàn tay (T) và vùng cổ (T) có vết bầm tím (không tìm thấy hình ảnh tinh trùng, xác tinh trùng).

Tại bản kết luận giám định số 6069/C09TT3 ngày 08/10/2020 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an kết luận: Trên mẫu ký hiệu D (dịch âm đạo của bà Đ) gửi giám định có AND của bà Nguyễn Thị Đ, không có AND của Vũ Văn B.

Không phát hiện thấy AND của bà Nguyễn Thị Đ trên mẫu ký hiệu Q1, A1 (quần đùi, áo cộc tay của B mặc khi giao cầu với bà Đ).

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi dùng vũ lực để giao cầu trái ý muốn của bà Đ như nêu trên. Lời khai của B phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường , biên bản nhận dạng, kết luận giám định , biên bản làm việc , vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án

Về phần dân sự Bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Vũ Văn B phải bồi thường

Vật chứng của vụ án là: 01 áo vải cộc tay màu đen, cổ tròn, ngực trước áo có chữ Angels, đã cũ ký hiệu A1 và 01 quần đùi vải cạp chun, kẻ caro, bản, có mùi hôi, có 02 túi trước và 01 túi sau, đã cũ, ký hiệu Q1 cùng được niêm phong trong 01 hộp hình hộp chữ nhật có bọc giấy bên ngoài được đóng dấu tròn đỏ của Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Hiện được chuyển đến bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSTPTN ngày 06/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN đã truy tố bị cáo Vũ Văn B về tội "Hiếp dâm", theo khoản 1 Điều 141 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra , và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Trong phần luận tội tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tóm tắt nội dung vụ án, phân tích các căn cứ quy kết bị cáo Vũ Văn B về tội Hiếp dâm; đánh giá nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Từ đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Văn B phạm tội Hiếp dâm, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Vũ Văn B từ 03 đến 04 năm tù.

Vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận bị cáo, bị hại không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát.

Nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất sớm trở thành người tốt trong xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ

tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của bị hại, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Với chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 27/8/2020, tại phòng ngủ nhà Vũ Văn B thuộc tổ 4, phường C.G, thành phố TN, Vũ Văn B đã dùng vũ lực giao cấu trái ý muốn với bà Nguyễn Thị Đ. Sau khi xảy ra sự việc bà Đ đã tới Công an phường C.G, thành phố TN trình báo sự việc và có đơn đề nghị khởi tố vụ án hình sự.

Hành vi của bị cáo Vũ Văn B đã phạm vào tội "Hiếp dâm", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 141 BLHS.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố bị cáo về tội danh và hình phạt viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 141 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm."

[3] Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe và danh dự nhân phẩm của con người được pháp luật bảo vệ. Việc đưa ra xét xử đối với bị cáo là cần thiết để răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

4.1. Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân xấu như: ngày 29/10/2020, bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN, tỉnh TN khởi tố (trong vụ án khác) về tội "Trộm cắp tài sản".

4.2. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức được việc làm của mình, sau khi bị cáo phạm tội Hiếp dâm,

bị cáo tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản. Do vậy cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật để bị cáo có ý thức rèn luyện bản thân cải tạo trở thành người tốt.

Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5] Vật chứng của vụ án: 01 áo vải cộc tay màu đen, cổ tròn, ngực trước áo có chữ Angels, đã cũ ký hiệu A1 và 01 quần đùi vải cạp chun, kẻ caro, bản, có mùi hôi, có 02 túi trước và 01 túi sau, đã cũ đây là toàn bộ số vật chứng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại quá trình điều tra và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[7] Án phí; Quyền kháng cáo:

- Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước
- Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

1. Bị cáo Vũ Văn B phạm tội “Hiếp dâm”.

Căn cứ khoản 1 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn B 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2020.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo vải cộc tay màu đen, cổ tròn, ngực trước áo có chữ Angels, đã cũ ký hiệu A1 và 01 quần đùi vải cạp chun, kẻ caro, bản, có mùi hôi, có 02 túi trước và 01 túi sau, đã cũ, ký hiệu Q1 cùng được niêm phong trong 01 hộp hình hộp chữ nhật. Tình trạng vật chứng nêu trên theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 175 ngày 15/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà Nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh TN.
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu HS; Lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Huệ

